

HOSE 20/03/2014

VNINDEX 600.26 -5.33 -0.88%

KLGD 192,916,978 CP
GTGD 3,718.52 Tỷ
GTR NDTNN - 128.98 Tỷ

CP Tăng giá 92 CP
CP Giảm giá 145 CP
CP Đứng giá 67 CP



Tâm điểm

- ▶ **Chốt lời mạnh ở cổ phiếu Bluechip, VN-Index giảm lại về vùng 600 điểm**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao**
Tổng giá trị giao dịch trên 2 sàn đạt hơn 5,200 tỷ đồng
- ▶ **Dự kiến quý I/2014, Việt Nam xuất khẩu được khoảng 1.2 triệu tấn gạo**
Bộ công cho biết, lượng xuất khẩu quý I/2014 giảm gần 300.000 tấn so với cùng kỳ VTV
- ▶ **NHNN: Dự nợ cho vay bất động sản năm 2013 đạt 262,107 tỷ đồng**
Dự nợ cho vay bất động sản năm 2013 tăng 14.7% so với năm trước.
Trí Thức Trẻ
- ▶ **Mỹ: QE3 cắt giảm thêm 10 tỷ, bất ngờ phát tín hiệu tăng lãi suất đầu 2015**
Đây là lần thứ 3 liên tiếp, ngân hàng trung ương Mỹ thắt chặt các biện pháp kích thích Reuters
- ▶ **TTF: Dự kiến tăng vốn lên tối đa 1,000 tỷ đồng trong 2014**
HĐQT TTF đặt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 50 tỷ đồng.
Đầu tư Chứng khoán
- ▶ **VIC: Lợi nhuận sau kiểm toán tăng thêm 25 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 7,149 tỷ đồng, tăng 287% so với năm trước
Người Đồng Hành

HNX 20/3/2014

HNXINDEX 89.70 0.02 0.03%

KLGD 138,110,536 CP
GTGD 1,518.50 Tỷ
GTR NDTNN - 45.05 Tỷ

CP Tăng giá 122 CP
CP Giảm giá 138 CP
CP Đứng giá 119 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,067,304	14.5	3.2	22.1%	11.2%
HNX	140,535	22.1	1.7	8.2%	3.8%
Toàn bộ thị trường	1,207,839	15.6	3.1	20.9%	10.5%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,103	7.1	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,895	8.0	1.9	24.3%	17.9%
Thép và sản phẩm thép	35,429	18.2	2.0	17.6%	7.1%
Khai khoáng	12,819	47.0	4.8	3.9%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,302	22.1	1.6	14.7%	8.9%
Xây dựng	35,375	49.4	1.4	0.0%	1.2%
Máy công nghiệp	9,520	9.3	1.5	21.5%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,201	13.5	1.7	17.2%	12.5%
Lốp xe	7,198	8.9	2.5	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,843	13.5	1.2	11.6%	5.5%
Thực phẩm	224,885	25.1	5.8	23.9%	18.0%
Dược phẩm	16,961	13.7	3.6	26.7%	17.3%
Phần mềm	20,146	12.4	2.7	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,159	7.7	1.3	19.0%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	167,944	12.8	4.7	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	33,207	30.3	2.7	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	28,400	26.5	1.6	7.2%	5.2%
Ngân hàng	270,778	12.1	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	156,872	16.2	2.7	25.6%	6.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,291	9.8	2.0	21.3%	8.1%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 676.08 -5.86 -0.86%
HNX30 184.17 0.20 0.11%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Dự kiến quý I/2014, Việt Nam xuất khẩu được khoảng 1.2 triệu tấn gạo

NHNN: Dư nợ cho vay bất động sản năm 2013 đạt 262,107 tỷ đồng

Mỹ: QE3 cắt giảm thêm 10 tỷ, bất ngờ phát tín hiệu tăng lãi suất đầu 2015

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

IMP: Trình kế hoạch lãi 120 tỷ đồng

TTF: Dự kiến tăng vốn lên tới đa 1,000 tỷ đồng trong 2014

VIC: Lợi nhuận sau kiểm toán tăng thêm 25 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Bộ công thương cho biết, dự kiến quý I/2014, Việt Nam xuất khẩu được khoảng 1.2 triệu tấn gạo giảm gần 300,000 tấn so với cùng kỳ. Tính đến ngày 13/3, cả nước mới chỉ xuất khẩu được gần 753,000 tấn gạo, giảm gần 94% về lượng và 98% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo xuất khẩu bình quân cũng giảm hơn 15USD/tấn. Trong khi xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, Bộ NN-PTNT ước tính, từ nay đến hết tháng 4, ĐBSCL sẽ có khoảng 6.4 triệu tấn lúa hàng hóa, tương đương khoảng 3.2 triệu tấn gạo cần được tiêu thụ.

Theo số liệu của NHNN, tính đến 31-12-2013, dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản đạt 262,107 tỷ đồng, tăng 14.7% so với 31-12-2012. Tỷ lệ nợ xấu đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản đến cuối tháng 12-2013 có xu hướng giảm so với các tháng đầu năm 2013 (đến 31-12-2013 tỷ lệ nợ xấu là 3.38% giảm khá nhiều so với thời điểm 31-10-2013 tỷ lệ nợ xấu là 5.3%, tháng 8-2013 tỷ lệ nợ xấu là 6.7%.

Fed đã đồng ý cắt giảm QE3 từ 65 tỷ USD/tháng xuống còn 55 tỷ USD/tháng. Fed nhấn mạnh kế hoạch tiếp tục giảm chương trình này và tăng mức lạm phát lên 2%. Lãi suất sẽ vẫn ở mức thấp một thời gian, sau đó tăng dần. Nếu chương trình mua trái phiếu kết thúc đúng dự kiến vào cuối năm nay (tháng 10-tháng 12), lần nâng lãi suất đầu tiên của Fed có thể diễn ra vào khoảng tháng 4/2015. Đây là lần thứ 3 liên tiếp, ngân hàng trung ương thắt chặt các biện pháp kích thích và động thái này đã thu hẹp quy mô QE3 từ 85 tỷ USD trong năm ngoái xuống còn 55 tỷ USD/tháng.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Dược phẩm Imexpharm (HOSE: OMP) dự kiến sẽ trình ĐHCĐ thường niên 2014 kế hoạch doanh thu 1,000 tỷ đồng và lãi trước thuế 120 tỷ đồng, lần lượt tăng 19% và 25% so với kết quả năm 2013. Kế hoạch cổ tức năm 2014 sẽ trả bằng tiền mặt, tỷ lệ 15%. HĐQT IMP còn đưa ra các phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn với tỷ lệ 2:1; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động, số lượng bằng 5% cổ phiếu đang lưu hành và phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược 10% cổ phiếu đang lưu hành.

CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HOSE: TTF) công bố Nghị quyết HĐQT tăng vốn chủ sở hữu công ty và tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2014. Theo đó, với kết quả khả quan, HĐQT TTF lên kế hoạch kinh doanh năm 2014 với các chỉ tiêu như doanh thu thuần gần 1,434 tỷ đồng, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 59 tỷ đồng và 50 tỷ đồng. Bên cạnh đó, HĐQT TTF đã thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện việc bán nợ cho DATC đối với bất kỳ khoản nợ ngân hàng nào. Đồng thời thông qua việc sẽ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ ở mức không quá 1,000 tỷ đồng và phát hành tăng vốn cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài ở quy mô hợp lý từ 10%-20%

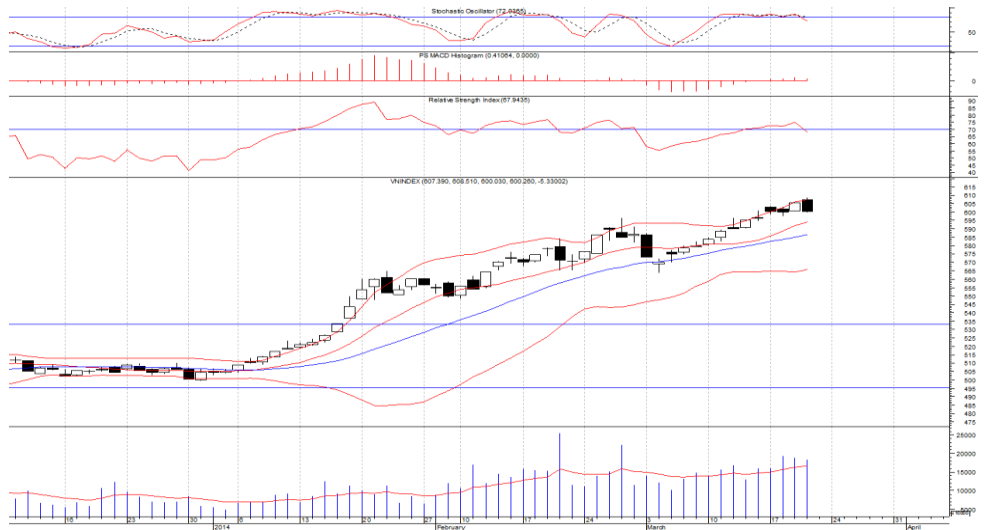
Tập đoàn Vingroup (HOSE: VIC) vừa công bố Báo cáo tài chính hợp nhất chưa kiểm toán cho quý 4 và năm 2013 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Theo báo cáo kiểm toán, năm 2013, doanh thu thuần của VIC đạt 18,378 tỷ đồng, tăng 132% so với cùng kỳ năm trước và vượt 50% kế hoạch doanh thu năm 2013. Lợi nhuận trước thuế là 9,740 tỷ đồng, tăng gấp gần 2.7 lần so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 7,149 tỷ đồng, tăng 287% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, lợi nhuận sau kiểm toán tăng thêm 25 tỷ đồng. Tính đến cuối năm 2013, tổng tài sản Vingroup đạt 75,773 tỷ đồng, tăng gần 20 nghìn tỷ đồng so với năm 2012; vốn chủ sở hữu đạt 14,472 tỷ đồng, tăng gần 4,000 tỷ đồng.

HOSE 20/03/2014 VNINDEX 600.26 -5.33 -0.88% 192,916,978 CP 3,718.52 bil VND

Chốt lời mạnh ở cổ phiếu Bluechip, VN-Index giảm lại về vùng 600 điểm

VN-Index giảm 5.33 điểm (-0.88%), đóng cửa tại mức 600.26 điểm. Xu thế tăng điểm vẫn chưa bị phá vỡ nhưng nếu phiên tới VN-Index tiếp tục giảm xuống là đáng lo ngại.

- Hai đường MA10 và MA20 tiếp tục tăng lên và là đường hỗ trợ cho HNXINDEX nếu thị trường đảo chiều.
- Tín hiệu MACD Histogram giảm nhẹ và nằm ngay trên đường Zero line.
- Stochastic Oscillator giảm xuống còn 72 điểm.
- RSI (14) giảm xuống mức 69.7 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0.2 (2.1%)	11,614,980
HAG	0.6 (2.1%)	8,277,390
FLC	0.1 (0.7%)	7,080,590
OGC	0.1 (0.7%)	6,045,590
SAM	0.3 (2.6%)	5,949,320

HOSE Top 5 theo % tăng

SMA	0.5 (6.9%)	816,540
BGM	0.4 (6.9%)	3,655,050
CCI	0.8 (6.8%)	3,800
CLP	0.3 (6.7%)	830
SRF	1.5 (6.7%)	100

HOSE Top 5 theo % giảm

VNG	-0.5 (-6.9%)	500
TMS	-2.4 (-6.9%)	4,470
KAC	-0.8 (-6.6%)	130
GTT	-0.6 (-6.1%)	1,671,560
PTK	-0.5 (-5.9%)	187,430

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	32,9 tỷ	1,128,180
KBC	18,2 tỷ	1,321,580
CSM	8,2 tỷ	187,500
CTD	5,5 tỷ	83,000
MSN	3,6 tỷ	35,160

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPR	-44,8 tỷ	985,430
STB	-25,5 tỷ	1,275,870
GMD	-25,1 tỷ	710,380
TRC	-21,1 tỷ	535,220
VIC	-17,6 tỷ	229,490

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-3,595,650	- 128.98

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VNINDEX tăng nhẹ đầu phiên sau đó lực cung ra mạnh ở những cổ phiếu vốn hóa lớn khiến thị trường giảm khá sâu.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục ở mức cao đạt 183 triệu cổ phiếu, đây là phiên thứ năm liên tiếp thanh khoản cao hơn mức bình quân 10 phiên gần đây.
- ▶ VN-Index tạo một cây nến đen giảm lại về vùng 600 điểm, phiên ngày mai việc cơ cấu của các quỹ ETF sẽ diễn ra mạnh và có thể sẽ tác động tới thị trường.
- ▶ Khối ngoại có phiên bán ròng mạnh với giá trị gần 129 tỷ đồng, việc bán ròng diễn ra ở nhiều mã cổ phiếu vốn hóa lớn như PVD, HPG, OGC...
- ▶ Nhà đầu tư xem xét chốt lời dần cổ phiếu, việc mua lúc này cần thận trọng và chỉ phù hợp với nhà đầu tư chấp nhận rủi ro.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	84.0	159,180.00	13.0	4.8	40.8%	25.9%
VNM	833.5	143.0	119,185.79	18.6	6.9	39.6%	30.7%
MSN	734.9	105.0	77,165.69	176.7	5.3	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	30.7	71,144.70	16.5	1.7	10.3%	1.0%
VIC	908.8	76.5	69,520.34	10.5	4.0	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	9.5	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	17.7	49,758.29	11.2	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	48.1	32,730.68	30.3	2.7	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.0	22,850.23	10.1	1.3	14.5%	1.4%
PVD	275.3	79.5	21,883.02	10.8	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

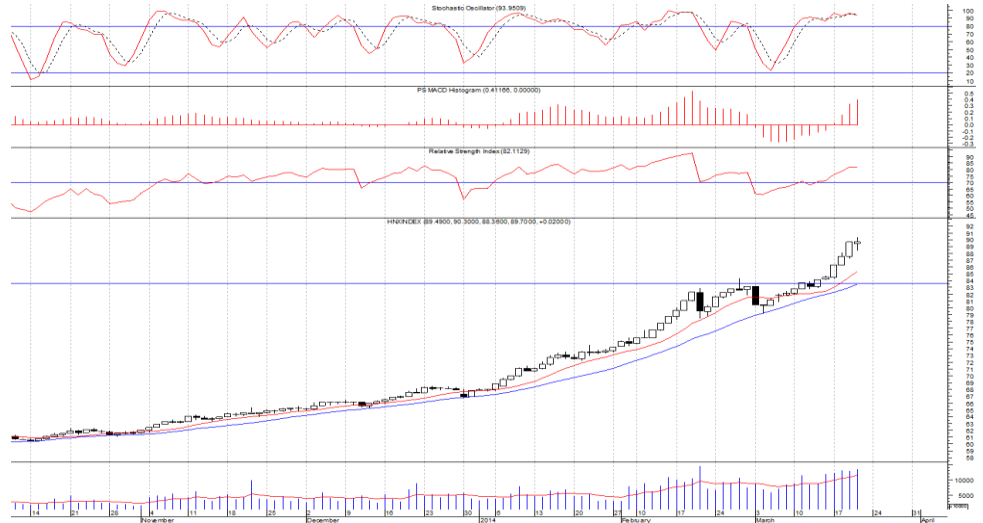
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	16.8	3,907.68	16.8	1.4	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.1	7,667.53	4.7	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	30.7	2,409.64	6.6	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	83.0	3,774.71	10.4	2.6	NA	TH.DOI
VSC	28.6	74.0	2,119.81	9.2	2.5	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.5	16,527.14	7.4	1.8	NA	TH.DOI

HNX 20/03/2014 HNX-Index 89.70 0.02 0.03% 138,110,536 CP 1,518.50 bil. VND

HNX-Index tăng nhẹ nhờ SHB tiếp tục tăng khá

Chỉ số HNX-Index tăng 0.02 điểm, đóng cửa tại 89.7 điểm. SHB, PGS và PVX hỗ trợ thị trường. Nhóm ngành chứng khoán đã có dấu hiệu chốt lời mạnh và bị bán xuống dưới tham chiếu.

- HNX-INDEX tạo cây nến Doji. Hai đường MA10 và MA20 tiếp tục đi lên là đường hỗ trợ cho HNXINDEX nếu thị trường đảo chiều.
- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục ở mức cao đạt 93.9 điểm.
- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng và đang bỏ xa đường Zero line.
- RSI (14) tăng nhẹ lên trên 82.1 điểm.



HNX Top 5

theo KLGĐ

SHB	0.5 (4.5%)	18,830,260
PVX	0.4 (6.0%)	17,877,130
KLS	-0.2 (-1.4%)	10,917,600
SCR	-0.1 (-1.0%)	7,436,860
SHN	0.6 (9.7%)	4,839,310

HNX Top 5

theo % tăng

SJ1	3.5 (18.4%)	30
GGG	0.3 (10.0%)	1,137,260
ITQ	0.7 (10.0%)	980,200
MMC	0.4 (10.0%)	11,500
NVC	0.2 (10.0%)	155,780

HNX Top 5

theo % giảm

VE9	-1 (-10.0%)	43,500
HCT	-1.1 (-9.6%)	400
HLY	-1.5 (-9.4%)	500
SKS	-1.1 (-9.3%)	3,500
VNN	-0.4 (-8.9%)	4,400

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

PVX	4,1 tỷ	601,500
PVS	1,8 tỷ	58,700
KLS	0,5 tỷ	39,000
PHH	0,5 tỷ	70,000
PSI	0,4 tỷ	43,000

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

SHB	-40,3 tỷ	3,573,900
VND	-4,3 tỷ	244,000
LAS	-3,6 tỷ	74,200
VCG	-1,9 tỷ	114,700
HOM	-0,9 tỷ	97,400

GD NDTNN

KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-3,425,100 - 45.05

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đầu phiên HNX-Index tăng khá và bị bán xuống trong phiên, cuối phiên nhờ SHB tăng tích cực khiến thị trường tăng nhẹ.
- ▶ Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức cao đạt trên 137 triệu cổ phiếu. Dòng tiền tiếp tục vào mạnh thị trường dù lực chốt lời lớn.
- ▶ MA10 và MA20 vẫn tiếp tục đi lên đóng vai trò thành đường hỗ trợ cho thị trường nếu thị trường quay đầu giảm điểm.
- ▶ Khối ngoại thực hiện bán ròng 45 tỷ đồng khi mua vào 31 tỷ đồng và bán ra 76 tỷ đồng, họ bán mạnh SHB, PVS, VCG, VND.
- ▶ Nhà đầu tư xem xét chốt lời dần cổ phiếu, việc mua đuổi lúc này cần thận trọng và chỉ phù hợp với nhà đầu tư chấp nhận rủi ro.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	17.4	16,034.37	19.7	1.3	6.6%	0.5%
PVS	446.7	30.0	13,401.01	8.4	1.6	21.0%	6.7%
SHB	886.1	11.6	10,278.57	13.0	1.0	7.6%	0.6%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
VCG	441.7	16.8	7,420.74	14.0	1.4	10.1%	2.1%
OCH	200.0	33.8	6,760.00	36.7	3.1	8.1%	3.6%
PVI	225.4	19.3	4,350.49	13.4	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	47.9	3,728.15	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	73.0	3,163.67	10.9	2.6	24.8%	16.7%
PVX	400.0	7.1	2,840.00	1.3	3.3	-115.4%	-11.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.5	1,463.00	8.1	1.6	NA	TH.DOI
AAA	19.8	25.0	495.00	9.0	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	17.3	1,677.00	14.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	73.0	3,163.67	10.9	2.6	NA	TH.DOI
LHC	2.0	66.3	132.60	3.3	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	52.0	409.50	7.7	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	77,165.69	15.35%	105.0	176.65	5.31	574,725	466,419	326,328
VIC	HOSE	908.8	69,520.34	14.46%	76.5	10.50	3.97	437,782	320,702	272,365
HPG	HOSE	419.1	21,790.73	11.74%	52.0	11.26	2.32	694,991	646,905	606,020
PVD	HOSE	275.3	21,883.02	8.68%	79.5	10.78	2.23	504,050	456,773	414,469
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	8.01%	43.5	7.43	1.77	636,289	695,414	682,572
HAG	HOSE	718.2	20,826.49	7.98%	29.0	20.71	1.58	5,179,439	5,738,864	4,016,347
VCB	HOSE	2,317.4	71,144.70	6.11%	30.7	16.46	1.66	863,663	973,504	1,058,297
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	4.13%	20.0	10.11	1.34	1,089,477	1,205,593	710,367
BVH	HOSE	680.5	32,730.68	3.08%	48.1	30.30	2.74	564,713	486,684	494,390
ITA	HOSE	718.1	6,965.33	2.71%	9.7	129.96	0.88	12,830,376	11,431,835	8,699,708
HSG	HOSE	96.3	5,489.85	2.68%	57.0	10.14	2.44	320,723	379,859	339,021
GMD	HOSE	114.4	4,027.64	2.26%	35.2	29.19	0.91	440,076	415,359	469,525
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	2.03%	24.1	4.66	1.41	950,361	1,014,280	1,240,281
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	16.84	1.30	1,054,679	929,204	1,080,167
CSM	HOSE	67.3	2,940.66	1.64%	43.7	8.19	2.42	932,535	867,298	807,843
KBC	HOSE	289.8	3,998.70	1.48%	13.8	57.49	0.98	1,779,391	1,835,510	1,393,855
DRC	HOSE	83.1	3,638.63	1.33%	43.8	9.78	2.66	354,667	393,024	391,108
PVT	HOSE	232.6	3,907.68	1.18%	16.8	16.80	1.41	2,599,620	2,903,629	2,478,275
DIG	HOSE	143.0	2,502.42	1.01%	17.5	56.28	1.08	760,687	927,388	908,818
OGC	HOSE	300.0	4,140.00	0.91%	13.8	38.89	1.26	4,176,382	3,838,312	2,551,696
PET	HOSE	69.8	1,508.59	0.87%	21.6	9.66	1.25	1,112,811	983,218	861,332

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,401.01	5.37%	30.0	8.44	1.64	2,530,427	2,376,252	2,309,744
VIC	HOSE	908.8	69,520.34	8.00%	76.5	10.50	3.97	437,782	320,702	272,365
VCB	HOSE	2,317.4	71,144.70	7.00%	30.7	16.46	1.66	863,663	973,504	1,058,297
BVH	HOSE	680.5	32,730.68	6.50%	48.1	30.30	2.74	564,713	486,684	494,390
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	5.79%	43.5	7.43	1.77	636,289	695,414	682,572
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	4.26%	20.0	10.11	1.34	1,089,477	1,205,593	710,367
PVD	HOSE	275.3	21,883.02	3.22%	79.5	10.78	2.23	504,050	456,773	414,469
ITA	HOSE	718.1	6,965.33	3.73%	9.7	129.96	0.88	12,830,376	11,431,835	8,699,708
SHB	HNX	886.1	10,278.57	2.86%	11.6	12.99	0.95	12,929,267	12,167,157	8,012,949
PPC	HOSE	318.2	7,667.53	1.58%	24.1	4.66	1.41	950,361	1,014,280	1,240,281
OGC	HOSE	300.0	4,140.00	2.33%	13.8	38.89	1.26	4,176,382	3,838,312	2,551,696
GMD	HOSE	114.4	4,027.64	1.62%	35.2	29.19	0.91	440,076	415,359	469,525
MSN	HOSE	734.9	77,165.69	8.00%	105.0	176.65	5.31	574,725	466,419	326,328
HAG	HOSE	718.2	20,826.49	2.83%	29.0	20.71	1.58	5,179,439	5,738,864	4,016,347
DRC	HOSE	83.1	3,638.63	1.28%	43.8	9.78	2.66	354,667	393,024	391,108
VCG	HNX	441.7	7,420.74	3.58%	16.8	13.95	1.35	4,542,846	5,081,177	3,578,133
PVT	HOSE	232.6	3,907.68	2.05%	16.8	16.80	1.41	2,599,620	2,903,629	2,478,275

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	69,520.34	0.00%	76.5	10.50	3.97	437,782	320,702	272,365
MSN	HOSE	734.9	77,165.69	0.00%	105.0	176.65	5.31	574,725	466,419	326,328
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	0.00%	43.5	7.43	1.77	636,289	695,414	682,572
HAG	HOSE	718.2	20,826.49	0.00%	29.0	20.71	1.58	5,179,439	5,738,864	4,016,347
VCB	HOSE	2,317.4	71,144.70	0.00%	30.7	16.46	1.66	863,663	973,504	1,058,297
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.00%	20.0	10.11	1.34	1,089,477	1,205,593	710,367
BVH	HOSE	680.5	32,730.68	0.00%	48.1	30.30	2.74	564,713	486,684	494,390
CTG	HOSE	3,723.4	63,670.22	0.00%	17.1	9.46	1.18	1,170,579	1,495,681	1,055,998
GAS	HOSE	1,895.0	159,180.00	0.00%	84.0	13.01	4.81	260,758	347,451	441,230

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	77,165.69	0.81%	105.0	176.65	5.31	574,725	466,419	326,328
VIC	HOSE	908.8	69,520.34	0.55%	76.5	10.50	3.97	437,782	320,702	272,365
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	0.26%	43.5	7.43	1.77	636,289	695,414	682,572
VCB	HOSE	2,317.4	71,144.70	0.20%	30.7	16.46	1.66	863,663	973,504	1,058,297
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.14%	20.0	10.11	1.34	1,089,477	1,205,593	710,367
BVH	HOSE	680.5	32,730.68	0.10%	48.1	30.30	2.74	564,713	486,684	494,390

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

20 March 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,103	7.1	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,895	8.0	1.9	24.3%	17.9%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,923	28.9	0.8	2.1%	1.5%
Sản xuất giấy	835	9.2	0.8	10.4%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,429	18.2	2.0	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,056	5.1	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,819	47.0	4.8	3.9%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,302	22.1	1.6	14.7%	8.9%
Xây dựng	35,375	49.4	1.4	0.0%	1.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,505	8.4	1.2	18.3%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	526	5.7	1.1	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,790	11.0	1.0	8.7%	4.6%
Thiết bị điện	1,786	14.0	0.7	-2.1%	-1.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	26.2	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,520	9.3	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,825	3.6	1.1	8.8%	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,201	13.5	1.7	17.2%	12.5%
Dịch vụ vận tải	5,354	10.5	1.5	15.6%	9.7%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,129	10.8	1.3	12.3%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	271	63.0	0.8	3.9%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	214	9.4	0.9	10.4%	4.5%
Chất thải & Môi trường	140	2.4	0.7	36.1%	17.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,153	24.0	1.7	16.9%	8.4%
Lốp xe	7,198	8.9	2.5	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,529	7.8	1.2	15.6%	9.3%
Vang & Rượu mạnh	238	10.9	1.7	17.7%	12.7%
Đồ uống & giải khát	269	7.3	1.3	15.1%	10.0%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,843	13.5	1.2	11.6%	5.5%
Thực phẩm	224,885	25.1	5.8	23.9%	18.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	66	130.0	0.8	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,438	9.3	1.1	12.5%	5.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	4.0	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,099	8.1	1.5	18.3%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,100	10.4	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	742	5.9	1.1	-2.5%	3.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,028	23.7	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	134	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	164	10.5	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,961	13.7	3.6	26.7%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	402	54.5	1.3	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	683	16.7	1.1	12.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,667	10.0	1.6	18.6%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,106	8.6	1.0	13.6%	8.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	151	6.6	2.8	52.7%	27.1%
Khách sạn	7,260	39.6	3.1	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,898	17.7	1.5	14.3%	12.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,199	20.2	2.3	17.1%	15.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	58	13.6	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	628	20.7	0.8	3.6%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	20,146	12.4	2.7	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	373	12.6	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	262	5.3	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,429	14.8	0.8	5.2%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,159	7.7	1.3	19.0%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	167,944	12.8	4.7	39.9%	25.2%
Nước	1,180	6.3	1.2	18.8%	13.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,333	11.0	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,062	12.3	0.8	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,813	9.4	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	33,207	30.3	2.7	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,110	38.9	1.3	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,400	26.5	1.6	7.2%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	270,778	12.1	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	156,872	16.2	2.7	25.6%	6.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	155.0	0.5	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,291	9.8	2.0	21.3%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.